

NGHỊ QUYẾT

**Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát
hành trình cho chủ tàu cá có chiều dài từ 15m trở lên trên địa bàn thành phố Huế**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 37/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Xét Tờ trình số 18254/TTr-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá có chiều dài từ 15m trở lên trên địa bàn thành phố Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá có chiều dài từ 15m trở lên trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá có chiều dài từ 15m trở lên trên địa bàn thành phố Huế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân là chủ sở hữu tàu cá có chiều dài từ 15m trở lên.

b) Các cơ quan quản lý Nhà nước; các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến thực hiện Nghị quyết.

Điều 2. Điều kiện, hình thức, thời gian hỗ trợ

1. Điều kiện hỗ trợ: Tàu cá có chiều dài từ 15m trở lên có các loại giấy tờ còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.
2. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ hàng năm (01 lần/năm).
3. Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 04 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Điều 3. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ

Hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá có chiều dài từ 15m trở lên theo hóa đơn thực tế nhưng không quá 250.000 (Hai trăm năm mươi nghìn) đồng/tháng/tàu cá.

Điều 4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ
 - a) Đơn đề nghị hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá có chiều dài từ 15m trở lên (*theo mẫu ban hành kèm theo Nghị quyết này*).
 - b) Hóa đơn theo quy định, chứng từ hợp lệ liên quan đến phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình (bản chính).
 - c) Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá.
2. Trình tự thực hiện hỗ trợ
 - a) Chủ sở hữu tàu cá có chiều dài từ 15m trở lên nộp (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) 01 bộ hồ sơ hỗ trợ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân cấp xã.
 - b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp xã phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành thẩm định nội dung, kinh phí hỗ trợ. Trường hợp hồ sơ không đảm bảo điều kiện hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành văn bản thông báo và nêu rõ lý do.
 - c) Sau khi có kết quả thẩm định đủ điều kiện được hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc niêm yết công khai danh sách chủ tàu cá đủ điều kiện được hỗ trợ tại hội trường Nhà văn hóa thôn và Trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 05 ngày.
 - d) Sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai mà không có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách chủ tàu cá đủ điều kiện được hỗ trợ, trong thời hạn 02 ngày làm việc Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đề xuất Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ.

Trường hợp sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai mà có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách chủ tàu cá đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 02 ngày làm việc Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế,

Hạ tầng và Đô thị phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành thẩm định và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã kết quả thẩm định. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ thì Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo nêu rõ lý do cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

đ) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định hỗ trợ, tổ chức thực hiện chi trả cho các đối tượng được thụ hưởng chính sách, đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách thành phố.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 01 năm 2026 và hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Huế khóa VIII, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 29 thông qua ngày 25 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: KH&CN; NN&MT; TC;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- BTV Đảng ủy các cơ quan Đảng thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố; UBMTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo thành phố; Cổng TTĐT thành phố;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình**

*(Kèm theo Nghị quyết số 46/2025/HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của
Hội đồng nhân dân thành phố Huế)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình năm**

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân xã/phường.....

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân:.....
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CCCD:; Ngày cấp:; Nơi cấp:.....
(Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với tổ chức)
- Ngày cấp: Nơi cấp
4. Địa chỉ:
5. Số đăng ký tàu cá:
6. Điện thoại:

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình với nội dung như sau:

1. Thông tin thiết bị giám sát hành trình:
- Nhà sản xuất/đơn vị cung cấp:
- Ký hiệu thiết bị:
- Mã số kẹp chì:
 2. Đơn vị cung cấp dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình:
 3. Phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình
- Phí thuê bao:đồng/tháng; số tháng đề nghị hỗ trợ:;
- Số tiền đề nghị hỗ trợ:
- Đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường xem xét./.

....., ngày tháng năm ...
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/
HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN**
(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))